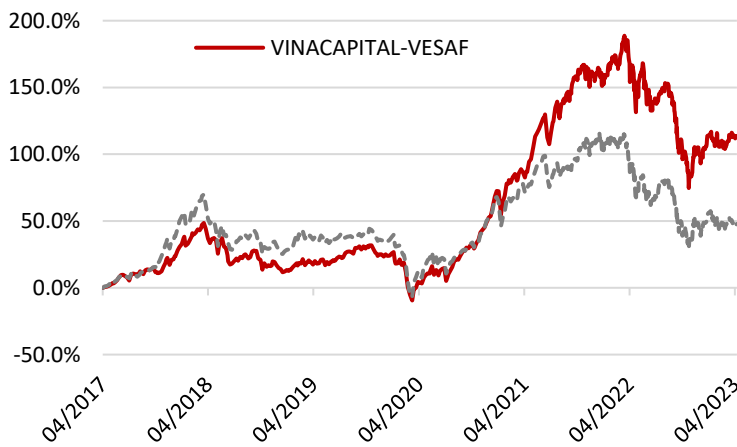


VINACAPITAL-VESAF

Chiến lược đầu tư

Tối đa hóa lợi nhuận đầu tư từ trung đến dài hạn bằng cách tập trung chủ yếu vào các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ có tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận cao, dòng tiền kinh doanh ổn định và mức định giá thấp; các cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài quan tâm nhưng hết room ngoại.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VINACAPITAL-VESAF

	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,065.9	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	21,380.2	
Lợi nhuận tháng 04/2023 (%)	1.8	(1.5)
Lợi nhuận từ đầu năm 2023 (%)	8.3	4.2
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	27.1	10.9
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập (%)	13.5	6.7
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	113.8	47.9

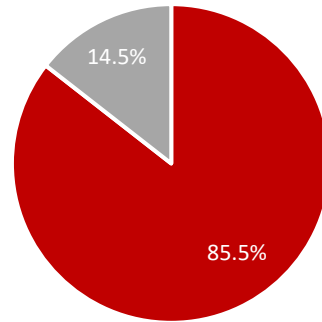
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com

Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Cổ phiếu ■ Tiền và tương đương tiền

Thông tin quỹ

Ngày thành lập	18/04/2017
Phí quản lý	1.75%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 1.5% >= 12 tháng 0.5% >= 24 tháng
Nghân hàng Giám sát và Lưu ký	Nghân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu
Chỉ số tham chiếu	VN-Index

Chỉ số danh mục cổ phiếu

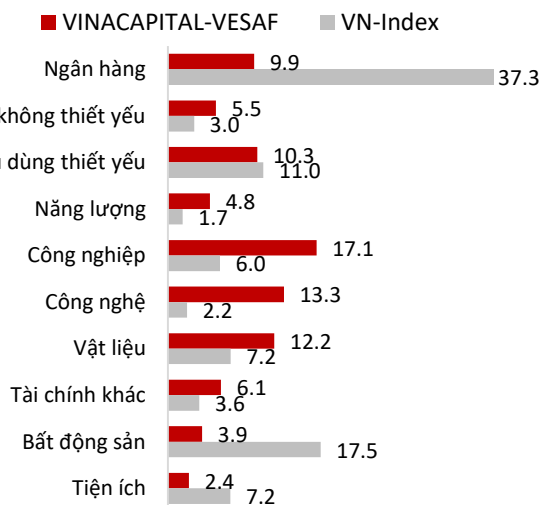
	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
Chỉ số P/E (x) (*)	11.1	14.1
Chỉ số P/B (x) (*)	2.0	1.6
Chỉ số ROE (%) (*)	16.7	13.1
Tỷ suất cổ tức (%)	3.6	1.8
Vòng quay danh mục 12 tháng (%)	40.2	-
Hệ số Sharpe	0.5	0.2
Số lượng cổ phiếu	24.0	403

(*) Số liệu 12 tháng gần nhất

Nguồn: Bloomberg, dự báo của VinaCapital

Phân bổ theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Danh mục đầu tư lớn

Cổ phiếu	Ngành	% Giá trị tài sản ròng
FPT	Công nghệ	13.3
QNS	Tiêu dùng thiết yếu	6.5
MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	5.5
STB	Ngân hàng	5.0
MBB	Ngân hàng	4.9
DPR	Vật liệu	4.1
ILB	Công nghiệp	4.0
PVS	Năng lượng	4.0
SZC	Công nghiệp	3.9
FMC	Tiêu dùng thiết yếu	3.8

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VESAF

Chỉ số VN-Index giảm 1,5% trong tháng 4, đóng cửa ở 1.049 điểm. Tính từ đầu năm, VN-Index đã tăng 4,2%.

Thị trường bước vào đầu tháng 4 với tâm lý tích cực nhờ các chính sách hỗ trợ nền kinh tế cũng như thị trường bất động sản và trái phiếu từ Chính phủ. Chỉ số VN-Index đạt mức cao nhất trong tháng ở 1.081 điểm vào ngày 5/4. Tuy nhiên, thị trường sau đó chịu áp lực chốt lời dần về cuối tháng trước kỳ nghỉ lễ dài. Bên cạnh đó, các số liệu kinh tế vẫn yếu trong tháng 4 và kết quả kinh doanh kém tích cực của các doanh nghiệp niêm yết trong quý 1 cũng khiến các nhà đầu tư thận trọng hơn.

(tiếp theo ở cột bên)

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VESAF (tt)

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG

Tiếp nối các chính sách hỗ trợ thị trường và nền kinh tế từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN), ngày 23/04/2023, NHNN ban hành 2 thông tư sửa đổi về hoạt động mua bán trái phiếu của ngân hàng (Thông tư 03) và quy định về hoạt động tái cơ cấu nợ (Thông tư 02). Nhìn chung, với hai thông tư này, các ngân hàng hiện được cung cấp các công cụ cần thiết để xử lý các vấn đề liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp và các khoản cho vay đối với các khách hàng đang gặp khó khăn trong kinh doanh. Trong khi đó, người vay có thể có nhiều thời gian hơn để chuẩn bị cho các khoản trả nợ.

Kết quả kinh doanh quý 1 của các công ty niêm yết cho thấy các doanh nghiệp đã trải qua một giai đoạn khó khăn do suy giảm kinh tế toàn cầu tiếp tục đè nặng lên lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam, sức mua của nền kinh tế suy giảm, trong khi mặt bằng lãi suất đi vay đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao. Tính đến ngày 8/5/2023, đã có 1.023 công ty niêm yết công bố kết quả kinh doanh quý 1, với tổng lợi nhuận của các doanh nghiệp này giảm 18,1% so với quý 1/2022. Trong đó, các ngành có lợi nhuận Q1 giảm mạnh so với cùng kỳ gồm ngành Vật liệu, Tiêu dùng không thiết yếu, Tiêu dùng thiết yếu, Bất động sản (ngoại trừ VHM) có lợi nhuận quý 1 giảm lần lượt 81,6%, 66,3%, 51,4% và 45,8%. Ở chiều ngược lại, ngành Năng lượng, Chăm sóc sức khỏe và Công nghệ thông tin có lợi nhuận quý 1 tăng lần lượt 79,1%, 34,9% và 5,6% so với cùng kỳ năm trước.

Giao dịch của khối ngoại cũng không được tích cực trong tháng 4. Sau khi mua ròng 6,9 nghìn tỷ đồng trong quý 1, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng 1,5 nghìn tỷ đồng trong tháng 4. Tuy nhiên, thanh khoản thị trường trong tháng 4 cải thiện so với tháng trước với giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày trong tháng đạt 13,4 nghìn tỷ đồng, tăng 32% so với tháng 3.

Thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tiếp tục có định giá hấp dẫn cho đầu tư dài hạn với P/E cho năm 2023 của VN-Index chỉ ở mức hơn 10 lần. Chúng tôi nhận thấy thị trường cần thêm thời gian để hấp thụ các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ để vượt qua những khó khăn trong ngắn hạn và đưa nền kinh tế trở lại mức tăng trưởng cao. Theo số liệu từ NHNN, tăng trưởng tín dụng tính đến ngày 20/04 đạt 2,75% so với đầu năm, tăng rõ rệt từ nửa cuối tháng 3 (số liệu tính đến ngày 20 tháng 3 là 1,61% so với đầu năm) sau khi các ngân hàng đã triển khai việc giảm lãi suất cho vay. NHNN hiện tại vẫn tiếp tục khuyến khích các ngân hàng thương mại giảm lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế. Trong ngắn hạn, có thể có một số khó khăn và rủi ro mà các nhà đầu tư cần chú ý như kinh tế thế giới và Việt Nam sẽ tăng trưởng yếu, kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp khó có thể phục hồi nhanh, và một lượng lớn trái phiếu phát hành bởi các doanh nghiệp bất động sản sẽ đáo hạn trong giai đoạn từ cuối quý 2 sắp tới.

CẬP NHẬT QUỸ VINACAPITAL-VESAF

VINACAPITAL-VESAF tăng trưởng 1,8% trong tháng 4 và 8,3% trong 4 tháng đầu năm, vượt mức tăng của VN-Index trong cả 2 thời kỳ. Nhóm cổ phiếu bất động sản và tài chính, sau khi có một mức tăng ấn tượng trong tháng 3 do tác động tâm lý tích cực của việc giảm lãi suất bất ngờ, đã không còn duy trì được đà tăng. Như đã đề cập trong báo cáo tháng trước, các chính sách hỗ trợ cho trái phiếu và ngân hàng cùng với sự giảm lãi suất ban đầu, mặc dù góp phần giúp cho áp lực thanh khoản được tháo gỡ, nhưng những công ty bất động sản vẫn gặp nhiều khó khăn tồn tại do sức cầu yếu và nút thắt cổ chai từ những vướng mắc pháp lý đất đai. Vì vậy, nhóm cổ phiếu này vẫn chưa thực sự hấp dẫn để đầu tư vào thời điểm này.

Quý của chúng tôi vẫn duy trì nắm giữ phần lớn tỷ trọng vào những công ty có triển vọng lợi nhuận tốt, bởi những công ty này sẽ có xu hướng cho hiệu suất tốt hơn nhóm còn lại, đặc biệt trong bối cảnh dự báo lợi nhuận năm nay của toàn thị trường không được lạc quan. Cụ thể trong quý 1, lợi nhuận các công ty niêm yết giảm 18,1%. Các công ty niêm yết cũng đặt kế hoạch lợi nhuận cho cả năm ở mức giảm 3%. Cổ phiếu đóng góp hiệu suất tốt cho VINACAPITAL-VESAF trong tháng 4 vẫn là những cổ phiếu được đề cập trong báo cáo các tháng trước, nổi trội gồm có QNS (+9,6% trong tháng 4), ILB (+12,9%) và FMC (+8,5%) khi kết quả lợi nhuận Q1 của họ rất tích cực khi so sánh với các công ty trong cùng ngành.

Cụ thể, QNS (ngành tiêu dùng) công bố lợi nhuận tăng 80% trong Q1, nhờ mảng đường tăng trưởng mạnh trong khi mảng sữa đậu nành gần như đi ngang. Đây là một kết quả kinh doanh vượt trội so với các công ty trong ngành tiêu dùng thiết yếu (giảm 51,4%) hay tiêu dùng không thiết yếu (giảm 66,3%). ILB (ngành cảng biển, hậu cần) báo cáo lợi nhuận đi ngang, so với mức giảm trung bình 33% của các công ty cùng ngành đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi sự sụt giảm về hàng hóa thông quan trong Q1. FMC (ngành thủy sản) lại đạt mức lợi nhuận tăng trưởng 7,3% trong Q1 mặc dù kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam giảm 28% so với cùng kỳ, và các công ty niêm yết khác trong ngành có sự sụt giảm lợi nhuận 73% trong Q1. Các công ty trong danh mục của VINACAPITAL-VESAF có mức giảm lợi nhuận 6,1% trong Q1, tốt hơn nhiều so với mức giảm 18,1% của toàn thị trường.

Chúng tôi đang tiếp tục giảm tỷ trọng tiền mặt và nâng tỷ trọng các công ty chọn lọc trong ngành tài chính, khu công nghiệp và tiêu dùng.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Lợi nhuận từ đầu năm
2021	1.2%	12.5%	1.4%	3.4%	14.1%	6.3%	-1.2%	6.2%	3.7%	6.7%	0.0%	-0.7%	67.0%
2022	-0.8%	4.9%	3.9%	-5.6%	-2.9%	-5.8%	-1.6%	5.5%	-10.2%	-11.3%	-1.8%	-0.1%	-24.4%
2023	9.9%	-5.2%	2.1%	1.8%									8.3%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga găm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.